TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS- ST
Ngày: 15-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Đinh Thị Thúy Hằng**

Bà **Trần Thị Đẹp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2019/TLST-DS, ngày 24/9/2019, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản";* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST- DS, ngày 12/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST- DS, ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B.**

Địa chỉ trụ sở: Số 02, Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành N – Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch L - Chi nhánh huyện T, tỉnh Trà Vinh (*Văn bản ủy quyền số 289/NHNoTCa-UQ, ngày 30/9/2019 của Giám đốc* Ngân hàng TMCP B - *Chi nhánh huyện T, tỉnh Trà Vinh),* có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1979, có mặt;

Cư trú tại: Khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Phan Thị S**, sinh năm 1982;

Anh **Trần Hớn Q**, sinh năm 1983;

Cùng cư trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Cùng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bà **Nguyễn Thị V,** sinh năm 1952, vắng mặt;

Cư trú tại: Khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành N trình bày:

Vào ngày 21/10/2011, Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch L – Chi nhánh huyện T có ký hợp đồng tín dụng số: 325/2011/HĐTD với anh Nguyễn Thanh P để cho anh P vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để nuôi cá tra thịt, lãi suất vay 19%/năm, lãi suất quá hạn là 150% so với lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 21/8/2012.

Khi vay vốn thì anh Nguyễn Thanh P có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số: AĐ 571323, diện tích đất 82m^2, thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh do UBND huyện T cấp cho anh Trần Hớn Q vào ngày 29/3/2006 theo hợp đồng thế chấp số: 325/2011/HĐTC, ký ngày 21/10/2011.

Hiện nay, đã đến hạn thanh toán hợp đồng nhưng anh P không thực hiện đúng như thỏa thuận hai bên đã ký kết, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đến nhà gặp anh P để yêu cầu anh trả nợ cho Ngân hàng nhưng anh vẫn hẹn hết lần này đến lần khác đã làm ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn và lãi của Ngân hàng.

Nay ông Nguyễn Thành N đại diện cho Ngân hàng TMCP B yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Thanh P có trách nhiệm trả nợ vay tổng cộng 710.685.616 đồng (Trong đó gốc 450.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 15/9/2020 là 260.685.616 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng, Ngân hàng không yêu cầu chị Phan Thị S có trách nhiệm trả nợ cùng.

Trường hợp anh P không thanh toán được nợ cho Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:

Ang P thừa nhận vào ngày 21/10/2011, anh có ký hợp đồng tín dụng số: 325/2011/HĐTD với Ngân hàng TMCP B - Phòng giao dịch L – Chi nhánh huyện T để vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay, lãi suất vay trong hạn, quá hạn và thời hạn trả nợ như đại diện Ngân hàng trình bày. Khi vay tiền, có thế chấp quyền sử dụng đất số: AĐ 571323 đối với diện tích đất 82m^2, thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh do UBND huyện T cấp cho anh Trần Hớn Q vào ngày 29/3/2006 theo hợp đồng thế chấp số: 325/2011/HĐTC, ký ngày 21/10/2011. Anh P không có đóng lãi và cũng chưa trả được khoản vốn vay nào cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh có trách nhiệm trả nợ vay tổng cộng 710.685.616 đồng (Trong đó gốc 450.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 15/9/2020 là 260.685.616 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng, anh đồng ý trả số tiền còn nợ theo yêu cầu của Ngân hàng đã khởi kiện.

Trường hợp anh không thanh toán được nợ cho Ngân hàng TMCP B thì anh yêu cầu Ngân hàng TMCP B xử lý tài sản thế chấp nêu trên của anh Trần Hớn Q để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 29/7/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị S trình bày:

Chị S là vợ anh Nguyễn Thanh P, việc Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch L – Chi nhánh huyện T có cho anh Nguyễn Thanh P vay tiền thì chị hoàn toàn không biết. Vì vậy chị S không có trách nhiệm và nghĩa vụ để trả nợ vay cho Ngân hàng. Chị S yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hớn Q trình bày:

Anh Trần Hớn Q thừa nhận vào ngày 21/10/2011, anh có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số AĐ 571323 đối với diện tích đất 82m^2, thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh do anh đứng tên quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay 450.000.000 đồng của anh Nguyễn Thanh P tại Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch L – Chi nhánh huyện T.

Do anh P không thanh toán nợ như thỏa thuận và Ngân hàng khởi kiện đòi số nợ vay còn nợ nếu trường hợp anh P không thanh toán được nợ cho Ngân hàng anh đồng ý cho Ngân hàng TMCP B xử lý tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên của anh đã thế chấp để thu hồi nợ. Anh Quang yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V: Sau khi thụ lý vụ án bổ sung, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc khởi kiện yêu cầu độc lập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bà Nguyễn Thị V nhưng bà V không đến Tòa án tham gia tố tụng, không khởi kiện yêu cầu độc lập và Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bà V được.

Những vấn đề các đương sự thống nhất:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B ông Nguyễn Thành N và bị đơn anh Nguyễn Thanh P thống nhất thỏa thuận:

Cá nhân ông Nguyễn Thanh P có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP B tổng cộng 710.685.616 đồng (Trong đó gốc 450.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 15/9/2020 là 260.685.616 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp không thanh toán được nợ cho Ngân hàng TMCP B thì anh P, anh Q đồng ý cho Ngân hàng TMCP B xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất số AĐ 571323 đối với diện tích đất 82m^2, thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn C, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh do UBND huyện T cấp cho anh Trần Hớn Q vào ngày 29/3/2006.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V chưa chấp hành đúng theo quy định về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Vào ngày 21/10/2011, Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch L – Chi nhánh huyện T có cho anh Nguyễn Thanh P vay số tiền 450.000.000 đồng đã được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số: 325/2011/HĐTD. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì anh Trần Hớn Q có ký thế chấp quyền sử dụng đất số AĐ 571323 đối với diện tích đất 82m^2, thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh do anh Hớn Q đứng tên quyền sử dụng đất. Sự việc này được Ngân hàng chứng minh bằng hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và anh P cũng đồng ý trả số tiền vay còn nợ như Ngân hàng kiện đòi. Trường hợp anh P không trả được nợ thì anh P, anh Q đồng ý cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu Ngân hàng TMCP B. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V cho rằng ranh đất giữa ranh đất của bà với anh Hớn Q tại thửa đất thế chấp là không đúng nhưng khi Tòa án đưa bà V vào tham gia tố tụng bà không có ý kiến và không có yêu cầu gì nên không xem xét.Về chi phí thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Xét thấy, Ngân hàng TMCP B là Tổ chức tín dụng, giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Thanh P có ký kết hợp đồng tín dụng nên xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị S, anh Trần Hớn Q vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt và bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[**3**] Khi Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp thì bà Nguyễn Thị V cho rằng ranh đất của bà với anh Hớn Q tại đất anh Q đang thế chấp là không đúng ranh, Tòa án đã đưa bà V vào tham gia tố tụng và Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà không đến Tòa án cũng như không có ý kiến yêu cầu về ranh đất nên Hội đồng không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 325/2011/HĐTD, ngày 21/10/2011 thể hiện Ngân hàng TMCP B – Phòng giao dịch L– Chi nhánh huyện T có cho anh Nguyễn Thanh P vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để nuôi cá tra thịt, lãi suất vay 19%/năm, lãi suất quá hạn là 150% so với lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ gốc vào ngày 21/8/2012. Anh P không đóng lãi cũng như không trả nợ khi đến hạn theo hợp đồng là vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh P có trách nhiệm trả số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 15/9/2020 tổng cộng bằng cộng 710.685.616 đồng (Trong đó gốc 450.000.000 đồng, lãi 260.685.616 đồng) theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Để đảm bảo cho khoản vay trên thì anh Trần Hớn Q có ký thế chấp quyền sử dụng đất số AĐ 571323 đối với diện tích đất 82m^2, thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh do anh Hớn Q đứng tên quyền sử dụng đất. Xét thấy việc thế chấp tài sản nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật nếu anh Nguyễn Thanh P không trả được nợ cho Ngân hàng thì anh Trần Hớn Q đồng ý cho Ngân hàng xử lý tài sản mà anh đã thế chấp nên tài sản thế chấp sẽ được phát mãi để thu hồi nợ khi anh Nguyễn Thanh P không trả được nợ.

[6] Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

[7] Về chi phí thẩm định tài sản là 1.000.000 đồng: Anh Nguyễn Thanh Toàn phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí.

[9] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 228, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 116, 117, 317, 318, 319, 463 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP B.

Buộc Anh Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vay còn nợ tổng cộng 710.685.616 đồng (Trong đó gốc 450.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 15/9/2020 là 260.685.616 đồng).

Kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 325/2011/HĐTD, ngày 21/10/2011.

Trong trường hợp anh Nguyễn Thanh P không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán đấu giá tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án. Tài sản thế chấp là diện tích đất 82m^2, thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 29, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh do anh Trần Hớn Q đứng tên quyền sử dụng.

2. Về chi phí thẩm định tài sản 1.000.000 đồng:

Buộc anh Nguyễn Thanh P phải chịu 1.000.000 đồng;

Do Ngân hàng TMCP B đã nộp tạm ứng trước nên anh Nguyễn Thanh P phải nộp 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần để hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Thanh P phải chịu 32.427.424,64 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004649, ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh